

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành.
2. Ông Võ Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP S](#);

Địa chỉ trụ sở: [Số B, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo pháp luật: Bà [Nguyễn Đức Thạch D](#). Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Trần Di T](#). Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch (Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022), có mặt;

Địa chỉ liên hệ: [Số H, Quốc lộ E, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An](#).

2. Bị đơn:

2.1. Ông [Nguyễn Thanh T1](#), sinh năm: 1973, vắng mặt;

2.2. Bà [Bùi Thị Bích T2](#), sinh năm: 1978, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: [C, ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông [Nguyễn Văn L](#), sinh năm: 1945;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà [Nguyễn Ngọc Minh T3](#), sinh năm: 1995 (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/3/2024), có mặt;

Cùng địa chỉ: [ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông [Trần Di T](#) trình bày như sau:

Ngày 11/11/2021, [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L1 - P](#) và ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích T2](#) ký Hợp đồng tín dụng số 202126420859 theo đó [Ngân hàng TMCP S](#) (Sau đây gọi tắt là [S1](#)) cho ông [T1](#) và bà [T2](#) vay số tiền 1.300.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng – mua đồ dùng gia đình; lãi suất 03 tháng đầu tiên: 11.0%/năm, được áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau, lãi suất do [S1](#) xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 04 kể từ ngày ký Hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở tương ứng theo theo kỳ hạn vay được [S1](#) niêm yết tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.6%/năm và được [S1](#) quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của [Ngân hàng N](#) về lãi suất cho vay; thời hạn vay 10 năm; phương thức vay: cho vay từng lần; phương thức trả nợ: nợ gốc góp đều định kỳ hàng tháng, trả lãi định kỳ hàng tháng theo dư nợ giảm dần.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông [T1](#) và bà [T2](#) có ký với [S1](#) Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 đã được chứng thực tại [Văn phòng C](#) Trân ngày 11/11/2021, số công chứng 5726, quyền số 10/2021TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/11/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C, tỉnh Long An](#). Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 725m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại [ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 630134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 05271 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L](#) cấp ngày 19/6/2018 cho ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#).

Ngày 12/11/2021, ông [T1](#) và bà [T2](#) ký Giấy nhận nợ số LD2131.600.312 và [S1](#) đã giải ngân số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông [T1](#) và bà [T2](#).

Trên cơ sở tuân thủ kế hoạch trả nợ gốc, lãi vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 thì ông [T1](#) và bà [T2](#) phải thanh toán cho Ngân hàng theo tiến độ đã thỏa thuận. Tuy nhiên, ông [T1](#) và bà [T2](#) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng nên kể từ ngày 12/5/2023, số tiền dư nợ là 1.115.822.000 đồng được chuyển sang quá hạn.

Ngày 21/4/2023, bà [Bùi Thị Bích T2](#) có Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thể là Khách hàng cá nhân) đề nghị [S1](#) phát hành thẻ Visa Platimun, hạn mức 150.000.000 đồng. Ngày 25/5/2023, [S1](#) đã phát hành thẻ tín dụng số 436438 – 0564 cho bà [Bùi Thị Bích T2](#), hạn mức 150.000.000 đồng.

[Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L1 - P](#) đã nhiều lần liên hệ đôn đốc, thông báo nợ quá hạn và làm việc đối với ông [T1](#) và bà [T2](#) nhưng đến nay ông [T1](#) và bà [T2](#) vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay [Ngân hàng TMCP S](#) khởi kiện, yêu cầu giải quyết như sau:

1. Yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 tính đến ngày 31/5/2023 là 1.136.495.194 đồng (Một tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.115.822.000 đồng và nợ lãi là 20.673.194 đồng.

2. Yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thể là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 tính đến ngày 31/5/2023 là 155.738.131 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, một trăm ba mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 152.471.836 đồng và nợ lãi là 3.266.295 đồng.

3. Kể từ ngày 01/6/2023, ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) phải chịu lãi suất quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thể là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 cho đến khi tất toán hết khoản vay.

4. Trường hợp ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) không trả được nợ, yêu cầu phát mãi ngay toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 đã được chứng thực tại [Văn phòng C](#) Trần ngày 11/11/2021, số công chứng 5726, quyền số 10/2021TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/11/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C, tỉnh Long An](#). Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 725m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại [ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 630134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 05271 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L](#) cấp ngày 19/6/2018 cho ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông [Trần Di T](#) trình bày như sau:

[Ngân hàng TMCP S](#) yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

1. Yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 tính đến ngày 03/5/2024 là 1.284.502.041 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.115.822.000 đồng và nợ lãi là 168.680.041 đồng.

2. Kể từ ngày 04/5/2024, ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 cho đến khi tất toán hết khoản vay.

3. Trường hợp ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) không trả được nợ, yêu cầu phát mãi ngay toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 đã được chứng thực tại [Văn phòng C](#) Trần ngày 11/11/2021, số công chứng 5726, quyền số 10/2021TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/11/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C, tỉnh Long An](#). Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất: thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 725m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại [ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 630134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 05271 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L](#) cấp ngày 19/6/2018 cho ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021.

4. Yêu cầu bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 tính đến ngày 03/5/2024 là 201.501.309 đồng (Hai trăm lẻ một triệu, năm trăm lẻ một nghìn, ba trăm lẻ chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 165.490.809 đồng và nợ lãi là 36.010.500 đồng.

5. Kể từ ngày 04/5/2024, bà [Bùi Thị Bích T2](#) phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 cho đến khi tất toán hết khoản vay.

6. [Ngân hàng TMCP S](#) rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) cùng có trách nhiệm với bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023.

- Đối với bị đơn ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông [T1](#), bà [T2](#). Ông [T1](#), bà [T2](#) không nộp bản tự khai về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông [Nguyễn Văn L](#) trình bày:

Ông L là cha ruột của ông Nguyễn Thanh T1, còn bà Bùi Thị Bích T2 là vợ của ông T1. Hiện ông L đang sống trong căn nhà cất trên thửa đất số 260 mà ông T1, bà T2 thế chấp cho Ngân hàng TMCP S.

Nguồn gốc thửa đất số 260 là ông L tặng cho con là ông T1. Còn căn nhà cất trên thửa đất số 260 là của ông L xây dựng. Nguồn tiền cất nhà là của ông L bỏ ra và được Nhà nước hỗ trợ cho vay vốn để cất nhà.

Khi tặng cho đất cho ông T1 là ông L chỉ tặng cho thửa đất số 260 chứ không có tặng cho căn nhà cất trên đất cho ông T1. Ông L sống trong căn nhà từ xưa đến nay.

Khi Ngân hàng đến thẩm định tài sản để cho ông T1, bà T2 vay tiền thì ông L có mặt ở nhà và không có ý kiến gì.

Đối với việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông T1 và bà T2 trả tiền vay còn nợ. Trường hợp ông T1, bà T2 không thanh toán được nợ thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là nhà đất trên thửa đất số 260 cùng toàn bộ tài sản trên đất thì ông L đồng ý cho Ngân hàng phát mãi thửa đất số 260 để thu hồi nợ, còn đối với căn nhà có trên thửa đất thì là tài sản của ông L nên ông L yêu cầu Ngân hàng phải hoàn trả lại giá trị căn nhà.

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L là bà Nguyễn Ngọc Minh T3 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn L hiện nay là người đang sống trong căn nhà cất trên thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 725m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Căn nhà chỉ có 01 mình ông L sinh sống.

Hiện nay căn nhà và thửa đất trên đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/11/2021 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP S – CN Long An – P và bên thế chấp là ông Nguyễn Thanh T1 và bà Bùi Thị Bích T2. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng C Trân công chứng số 5726, quyền số 10/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/11/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/11/2021.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/02/2024, ông Nguyễn Văn L đã trình bày: Trường hợp Ngân hàng phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm là nhà đất trên thửa đất số 260, cùng toàn bộ tài sản trên đất thì ông L đồng ý cho Ngân hàng phát mãi thửa đất số 260 để thu hồi nợ còn đối với căn nhà có trên thửa đất số 260 thì là tài sản của ông L nên ông L yêu cầu Ngân hàng phải hoàn trả lại giá trị căn nhà cho ông L.

Sau khi được Tòa án thông báo về thủ tục tranh chấp đối với căn nhà trên thửa đất số 260 thì bà T3 đại diện theo ủy quyền của ông L có ý kiến như sau: ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp căn nhà cất trên thửa đất số 260 trong vụ án này. Do đó, ông L không làm Đơn tranh chấp cũng như thực

hiện thủ tục theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau này có xảy ra tranh chấp thì ông L sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L là bà Nguyễn Ngọc Minh T3 trình bày: Trường hợp ông Nguyễn Thanh T1 và bà Bùi Thị Bích T2 không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP S thì ông L đồng ý phát mãi thửa đất số 260 cùng căn nhà và toàn bộ tài sản có trên đất. Ông L đề nghị Ngân hàng TMCP S hỗ trợ một khoản tiền để ông L có thể xây dựng căn nhà. Việc đề nghị hỗ trợ, ông L sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng. Do đó, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp căn nhà cất trên thửa đất số 260 trong vụ án này.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được TA triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo Điều 227, 228 BLTTDS

2. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, các chứng cứ có trong hồ sơ và qua đối chiếu với quy định pháp luật.

Xét nội dung tranh chấp và các tình tiết của vụ án nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20212640859 ngày 11/11/2021 và các Biên bản làm việc giữa S1 và ông T1, bà T2 có đủ cơ sở xác định S1 đã giải ngân cho ông Tú bà T4 vào ngày 11/11/2021 với số tiền 1.300.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T1, bà T4 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 03/5/2024 ông T1, bà T4 còn nợ S1 số tiền 1.284.502.041 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 21/4/2023 và các Biên bản làm việc có đủ cơ sở xác định, S1 đã cấp thẻ số tiền 150.000.000 đồng cho bà T4. Tính đến ngày 03/5/2024, bà T4 nợ thẻ tín dụng số tiền 201.501.309 đồng.

Xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa ông T1, bà T4 với S1 thì các bên có đủ năng lực giao kết, hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung nên có hiệu lực. Về nội dung các hợp đồng tín dụng và quá trình trả nợ các bên đã thỏa thuận tại các biên bản làm việc giữa S1 và ông T1, bà T4 vào các ngày 01/3/2023, 15/3/2023, 20/4/2023; ông

[T1](#), bà [T4](#) được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, không có lời trình bày, yêu cầu nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Do đó [S1](#) yêu cầu ông [T1](#), bà [T4](#) phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho [S1](#) tổng số tiền là 1.284.502.401 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 20212640859 ký ngày 11/11/2021 và bà [T4](#) phải thanh toán số tiền thẻ tín dụng là 201.501.309 đồng tính đến ngày 03/5/2024 là có cơ sở chấp nhận

Về lãi suất: [S1](#) yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

Về hợp đồng thế chấp, xét thấy việc thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất được các bên tự nguyện xác lập, có đăng ký giao dịch đảm bảo, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 342, 351, 355 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu của [S1](#) về việc thực hiện Hợp đồng thế chấp ngày 11/11/2021 để đảm bảo thu hồi nợ trong giai đoạn thi hành án.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP S](#).

3. Yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa [Ngân hàng TMCP S](#) với ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) thông qua Hợp đồng tín dụng số 202126420859 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng được thực hiện tại [Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh L1 - P](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông [T1](#) và bà [T2](#) theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích](#)

[T2](#); Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích T2](#); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Riêng Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 đã được chứng thực tại [Văn phòng C](#) Trần ngày 11/11/2021, số công chứng 5726, quyền số 10/2021TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/11/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C, tỉnh Long An](#) nên Hợp đồng tín dụng số 202126420859, Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 phát sinh hiệu lực giữa các bên.

[2.2] Căn cứ vào “Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021” và “Giấy nhận nợ số LD2131.600.312 ngày 12/11/2021” giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích T2](#) và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định vợ chồng ông [T1](#) và bà [T2](#) có vay của [Ngân hàng TMCP S](#) số tiền 1.300.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng – mua đồ dùng gia đình; lãi suất 03 tháng đầu tiên: 11.0%/năm, được áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau, lãi suất do [S1](#) xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 04 kể từ ngày ký Hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở tương ứng theo theo kỳ hạn vay được [S1](#) niêm yết tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.6%/năm và được [S1](#) quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của [Ngân hàng N](#) về lãi suất cho vay; thời hạn vay 10 năm; phương thức vay: cho vay từng lần; phương thức trả nợ: nợ gốc góp đều định kỳ hàng tháng, trả lãi định kỳ hàng tháng theo dư nợ giảm dần.

[2.2.1] Quá trình thực hiện hợp đồng, [Ngân hàng TMCP S](#) trình bày ông [T1](#) và bà [T2](#) không thực hiện thanh toán đúng theo tiến độ đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các biên bản làm việc giữa [S1](#) và ông [T1](#), bà [T2](#) vào các ngày 01/3/2023, 15/3/2023, 20/4/2023 nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 12/5/2023, dư nợ vay chuyển sang nợ quá hạn là 1.115.822.000 đồng. Vì vậy, ông [T1](#), bà [T2](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên [Ngân hàng TMCP S](#) khởi kiện yêu cầu ông [T1](#) và bà [T2](#) thanh toán số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 03/5/2024 là 1.284.502.041 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.115.822.000 đồng và nợ lãi là 168.680.041 đồng. Đối với ông [T1](#), bà [T2](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông [T1](#), bà [T2](#) không nộp bản tự khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nên căn cứ vào các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Hội đồng xét thấy việc [Ngân hàng TMCP S](#) khởi kiện yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà

[Bùi Thị Bích T2](#) trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 là phù hợp với Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.2.2] [Ngân hàng TMCP S](#) yêu cầu kể từ ngày 04/5/2024, ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 đã ký kết với [Ngân hàng TMCP S](#) cho đến khi tất toán hết khoản vay. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[2.2.3] Xử lý hợp đồng thế chấp: tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích T2](#) bao gồm: thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 725m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại [ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 630134 04/12/2017, cập nhật biến động chủ sử dụng ngày 22/12/2017 chủ sử dụng ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích T2](#); Các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp; Vật phụ của tài sản thế chấp, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp; Mọi quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tiền, tài sản do đền bù, bồi thường thiệt hại, bảo hiểm.

[2.2.4] Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024, bà [Nguyễn Ngọc Minh T3](#) là người đại diện theo ủy quyền của ông [Nguyễn Văn L](#) trình bày: Ông [Nguyễn Văn L](#) là người đang sống trong căn nhà cất trên thửa đất số 260 hiện nay đang là tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021. Căn nhà chỉ có 01 mình ông [L](#) sinh sống. Trường hợp [Ngân hàng TMCP S](#) yêu cầu phát mãi thửa đất số 260 cùng căn nhà và toàn bộ tài sản có trên thửa đất thì ông [L](#) đồng ý và không có tranh chấp gì trong vụ án này.

[2.2.5] Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 307, Điều 319, Điều 323 của Bộ luật Dân sự xác định trường hợp ông [T1](#) và bà [T2](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 thì [Ngân hàng TMCP S](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng thì ông [T1](#) và bà [T2](#) còn phải tiếp tục thanh toán cho [Ngân hàng TMCP S](#) cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[2.2.6] Ông [Nguyễn Văn L](#) được quyền khởi kiện tranh chấp căn nhà trên thửa đất số 260 trong vụ án khác.

[2.2.7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.400.000 đồng, do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước toàn bộ, nên buộc ông [T1](#) và bà [T2](#) liên đới trả lại [Ngân hàng TMCP S](#) số tiền 2.400.000 đồng.

[2.3] Căn cứ vào “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023” giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và bà [T2](#) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định [S1](#) đã phát hành thẻ tín dụng số 436438 – 0564 cho bà [Bùi Thị Bích T2](#), hạn mức 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà [T2](#) đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên [Ngân hàng TMCP S](#) yêu cầu bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 tính đến ngày 03/5/2024 là 201.501.309 đồng (Hai trăm lẻ một triệu, năm trăm lẻ một nghìn, ba trăm lẻ chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 165.490.809 đồng và nợ lãi là 36.010.500 đồng. Bà [Bùi Thị Bích T2](#) không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nên căn cứ vào các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Hội đồng xét thấy việc [Ngân hàng TMCP S](#) khởi kiện yêu cầu bà [Bùi Thị Bích T2](#) trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 là phù hợp với Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.3.1] [Ngân hàng TMCP S](#) yêu cầu kể từ ngày 04/5/2024, bà [Bùi Thị Bích T2](#) phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 cho đến khi tất toán hết khoản vay. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[2.3.2] [Ngân hàng TMCP S](#) tự nguyện rút lại yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) cùng có trách nhiệm với bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: [Ngân hàng TMCP S](#) có trách nhiệm chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã thanh toán đủ.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) có nghĩa vụ liên đới chịu 50.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021. Bà [Bùi Thị Bích T2](#) có nghĩa vụ chịu 10.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023. [H](#) lại cho [Ngân hàng TMCP S](#) số tiền tạm ứng án phí là 25.383.500 đồng theo biên lai thu số 0002658 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 40, 147, 207, 227, 228, 266, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 292, 295, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng TMCP S](#) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#).

1.1. Buộc ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) có trách nhiệm liên đới trả cho [Ngân hàng TMCP S](#) số tiền là 1.284.502.041 đồng (Một tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, không trăm bốn mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.115.822.000 đồng và nợ lãi là 168.680.041 đồng.

1.2. Kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

1.3. Trong trường hợp ông [T1](#) và bà [T2](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì [Ngân hàng TMCP S](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bao gồm: thửa đất số 260, tờ bản đồ số 6, diện tích 725m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại [ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An](#) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 630134, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 05271 do [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L](#) cấp ngày 19/6/2018 cho ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) cùng toàn bộ tài sản có trên thửa đất số 260 theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Các tài sản trên thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202126420859 ngày 11/11/2021 giữa [Ngân hàng TMCP S](#) và ông [Nguyễn Thanh T1](#), bà [Bùi Thị Bích T2](#) được công chứng tại [Văn phòng C](#) Trân ngày 11/11/2021, số công chứng 5726, quyển số 10/2021TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 12/11/2021 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại [huyện C, tỉnh Long An](#).

Trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng thì ông [T1](#) và bà [T2](#) còn phải tiếp tục thanh toán cho [Ngân hàng TMCP S](#) cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

1.4. Về chi phí tố tụng: buộc vợ chồng ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) cho [Ngân hàng TMCP S](#).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng TMCP S](#) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà [Bùi Thị Bích T2](#).

2.1. Buộc bà [Bùi Thị Bích T2](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng TMCP S](#) số tiền là 201.501.309 đồng (Hai trăm lẻ một triệu, năm trăm lẻ một nghìn, ba trăm lẻ chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 165.490.809 đồng và nợ lãi là 36.010.500 đồng.

2.2. Kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà [Bùi Thị Bích T2](#) còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này.

2.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP S](#) yêu cầu ông [Nguyễn Thanh T1](#) có nghĩa vụ cùng bà [Bùi Thị Bích T2](#) thanh toán số tiền còn nợ theo trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023.

3. Về án phí: Ông [Nguyễn Thanh T1](#) và bà [Bùi Thị Bích T2](#) có nghĩa vụ liên đới chịu 50.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202126420859 ngày 11/11/2021. Bà [Bùi Thị Bích T2](#) có nghĩa vụ chịu 10.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (áp dụng cho chủ thẻ là Khách hàng cá nhân) ngày 21/4/2023. [H](#) lại cho [Ngân hàng TMCP S](#) số tiền tạm ứng án phí là 25.383.500 đồng theo biên lai thu số 0002658 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên